**2. Git & HTML**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khái niệm về Git? Phân biệt với Github | Git: là công cụ quản lý mã nguồn theo hình thức phân tán.  Có hai loại respository của git đó là :   * Local Repository : ở trên máy của lập trình viên * Remote Repository : ở trên máy chủ chia sẻ   Lợi ích sử dụng :   * Giảm conflic khi thực hiện dự án theo nhóm * Lưu trữ mã nguồn an toàn * Có thể phục hồi các phiên bản khác nhau * Có thể kiểm tra ai là người gây ra lỗi khi thực hiện dự án * Có thể khôi phục lại các file lỡ xóa mất   Phân biệt Git và Github :   |  |  | | --- | --- | | Git | Github | | Là công cụ quản lý mã nguồn phân tán | Là dịch vụ lưu trữ mã nguồn trực tuyến dựa trên Git | | Theo dõi lưu trữ và quản lý lịch sử các phiên bản của mã nguồn dự án | Cung cấp một nền tảng để lưu trữ mã nguồn, theo dõi sự thay đổi, và cộng tác với người khác trên dự án mã nguồn mở hoặc dự án riêng tư. | |
| Các câu lệnh cơ bản của Git | 1. Khởi tạo một kho lưu trữ (repository) Git:    * **git init** 2. Sao chép một kho lưu trữ từ xa vào máy tính:    * **git clone <URL\_repository>** 3. Kiểm tra trạng thái làm việc:    * **git status** 4. Thêm các tệp vào vùng lưu trữ (staging area) để chuẩn bị commit:    * **git add <tên\_tệp>** 5. Commit các thay đổi đã thêm vào vùng lưu trữ với một thông điệp:    * **git commit -m "Thông điệp commit"** 6. Đẩy các thay đổi lên kho lưu trữ từ xa (remote repository):    * **git push** 7. Cập nhật kho lưu trữ từ xa với phiên bản mới nhất:    * **git pull**   Ngoài ra còn có một số câu lệnh khác, xem thêm trên Internet. |
| HTML | HTML là viết tắt của "Hypertext Markup Language" (Ngôn ngữ Đánh dấu Siêu văn bản). Đó là một ngôn ngữ đánh dấu được sử dụng để tạo và cấu trúc các trang web trên internet. |
| Các thẻ HTML thông dụng | 1. **<html>**: Thẻ gốc của tài liệu HTML, đánh dấu đầu và cuối của một trang web. 2. **<head>**: Khu vực đặc biệt chứa các thông tin về trang web, chẳng hạn như tiêu đề và các liên kết đến tệp CSS hoặc JavaScript. 3. **<title>**: Xác định tiêu đề của trang web, hiển thị trên thanh tiêu đề của trình duyệt. 4. **<meta>**: Được sử dụng để định nghĩa thông tin về trang web, chẳng hạn như mã ngôn ngữ và mã ký tự. 5. **<link>**: Dùng để liên kết tài liệu với các tệp CSS hoặc biểu đồ khác để tùy chỉnh giao diện trang web. 6. **<script>**: Sử dụng để nhúng mã JavaScript vào trang web để thêm các chức năng tương tác. 7. **<body>**: Chứa nội dung chính của trang web, chẳng hạn như văn bản, hình ảnh, liên kết và nhiều phần tử khác. 8. **<h1>**, **<h2>**,..., **<h6>**: Được sử dụng để tạo tiêu đề với mức độ ưu tiên khác nhau, **<h1>** là tiêu đề quan trọng nhất và **<h6>** là tiêu đề ít quan trọng hơn. 9. **<p>**: Được sử dụng để định dạng đoạn văn bản. 10. **<a>**: Tạo liên kết đến trang web khác hoặc tài liệu. 11. **<img>**: Hiển thị hình ảnh trên trang web. 12. **<ul>** và **<ol>**: Sử dụng để tạo danh sách không có thứ tự (unordered list) và danh sách có thứ tự (ordered list) tương ứng. 13. **<li>**: Sử dụng để định dạng các mục danh sách trong **<ul>** hoặc **<ol>**. 14. **<div>**: Được sử dụng để tạo các phần tử chứa hoặc nhóm các phần tử HTML khác để tạo cấu trúc và định dạng trang web. 15. **<span>**: Được sử dụng để đánh dấu một phần của văn bản trong một đoạn văn bản dài.   Ngoài ra vẫn còn nhiều thẻ khác, xem thêm trên Internet |